

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2018/HNGĐ**

Ngày 10/01/2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Đỗ Mạnh Điền ; Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Bùi Bích Phượng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 397/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST-DS ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, Sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm 1987; ĐKNKTT: Tổ dân phố 6, phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ 1, phường ĐX, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 11/10/2017 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày 22/12/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh ngay từ khi anh chị mới kết hôn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp nên hay cãi vã và thường xuyên căng thẳng. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị cố gắng cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không tốt hơn. Cuối năm 2016, anh đọc được trong điện thoại của chị H có những tin nhắn tình cảm với người đàn ông khác, từ đó dẫn đến những

mâu thuẫn sâu sắc trong tình cảm của anh chị. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng cũng bất đồng quan điểm trong nhiều mặt và anh chị đã nhiều lần cãi nhau, không thể hòa giải được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Thời gian ly thân, chị H sống tại căn hộ của bố mẹ anh tại phường DX, quận Bắc Từ Liêm. Sau khi ly thân, anh và chị H cũng đã gặp nhau để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không hòa giải được. Gần đây, khi anh có ý định gửi đơn ly hôn ra Tòa án thì chị H thường xuyên quay lại nhà bố mẹ anh mà hiện anh đang ở để cùng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn A.B, sinh ngày xx/xx/2015. Do cháu B còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh có nguyện vọng được thường xuyên được thăm nom, chăm sóc cháu B.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày 22/12/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà anh Đ thuộc, phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đến tháng 5/2016, anh chị chuyển đến sống tại căn hộ của bố mẹ anh Đ tại phường DX, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Từ khi kết hôn đến nay anh chị có nhiều mâu thuẫn do thời gian sinh hoạt, công việc không trùng nhau, ít có thời gian để nói chuyện do công việc của anh Đ phải đi nhiều, hay về muộn còn công việc của chị mang tính chất hành chính nên về sớm. Từ khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị ít nói chuyện nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh Đ nên chị không muốn ly hôn, không muốn con cái không có đủ cha mẹ. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ đã về ở ở với bố mẹ chồng chị từ tháng 12/2016, nhưng anh chị không ly thân hoàn toàn. Chị vẫn thường xuyên qua lại nhà bố mẹ chồng chị. Đến tháng 7/2017, vợ chồng chị đã đi du lịch Phú Quốc với mong muốn hàn gắn tình cảm. Chị vẫn còn tình cảm với anh Đ. Chị mong muốn gia đình đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn A.B, sinh ngày xx/xx/2015. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu B và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng với anh Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- **Nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Đ trình bày:** Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đ và chị H có rất nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau, luôn cãi vã, thậm chí động chân, động tay khiến anh nhiều lần phải bỏ nhà đi và chị cũng nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ nên cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng. Vợ chồng anh không có tiếng nói chung. Ngoài ra, chị H còn nhắn tin với bạn bè là còn tình cảm với người yêu cũ ... nên anh quyết định là hai vợ chồng sống ly thân. Sau khi ly thân, hai vợ chồng anh chị, gia đình hai bên và bạn bè cũng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H. Con chung của anh chị là Nguyễn A.B, sinh ngày xx/xx/2015 còn nhỏ nên anh để chị H nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

- **Chị Trần Thị H trình bày :** Chị xác định vợ chồng chị có mâu thuẫn nhưng lý do là anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do anh Đ bận công việc ít có thời gian dành cho vợ con mà chị lại đòi hỏi anh Đ phải dành thời gian cho vợ con. Chị vẫn còn tình cảm với anh Đ và đề nghị Tòa án cho cơ hội để vợ chồng chị đoàn tụ. Chị cũng thấy bản thân chị còn có lỗi là chưa hiểu rõ và gây áp lực cho anh Đ về thời gian. Chị sẽ thay đổi bản thân để hòa hợp hơn với chồng. Việc anh Đ nói chị có tin nhắn tình cảm với người khác là không có căn cứ, chỉ là những tin nhắn trêu đùa giữa bạn bè. Sau khi ly thân, mặc dù chị sống ở nơi khác nhưng chị vẫn thường xuyên đi lại và có nhiều khoảng thời gian về sống chung với gia đình anh Đ. Chị luôn cố gắng hàn gắn hôn nhân. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị nuôi, việc cấp dưỡng là tùy anh Đ. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ với chị Trần Thị H ; Giao cháu Nguyễn A.B cho chị H nuôi dưỡng ; Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi cháu B tròn 18 tuổi ; Về tài sản chung và nợ chung : Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị H chung sống tại phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Từ khi hai bên ly thân (Tháng 12/2016) chị H sinh sống tại phường ĐX, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm : Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CN, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội ngày 22/12/2014. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ và chị H đều thừa nhận vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không được giải quyết kịp thời dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Từ khi mâu thuẫn xảy ra, hai anh chị cũng như gia đình hai bên cũng đã đưa ra các biện pháp hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Xét thấy, anh Đ và chị H đã sống ly thân được một năm, giữa anh chị không có tiếng nói chung, hai bên không cùng nhau hướng tới xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Đ xin ly hôn chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn A.B, sinh ngày xx/xx/2015. Cháu B dưới 3 tuổi, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu, anh Đ nhất trí để chị H nuôi con chung. Thỏa thuận của anh chị phù hợp pháp luật nên chấp nhận, giao cháu Nguyễn A.B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu mức cấp dưỡng và tùy vào quyết định của anh Đ. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Mức cấp dưỡng nuôi con mà anh Đ đưa ra là phù hợp với pháp luật và thực tế nên cần ghi nhận.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức nộp án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Trần Thị H. Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Anh chị có một con chung là Nguyễn A.B, sinh ngày xx/xx/2015. Giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2018 đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom không ai được cản trở.

3. Anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

4. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2014/05661 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm. Anh Đ phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- UBND phường CN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**